**TÌM HIỂU THÊM VỀ TUYÊN TRUNG HẦU NGUYỄN VĂN TUYÊN**

**Phạm Ngọc Hòa[[1]](#footnote-1)\***

***Tóm tắt:*** *Vùng đất An Giang xưa (tức tỉnh Đồng Tháp ngày nay) được xem là một vùng đất trù phú, chính nơi đây đã thu hút nhiều nhân sĩ, tướng lĩnh về với vùng đất này. Đây được xem là một vùng địa linh nhân kiệt với nhiều tướng tài hết dạ trung kiên theo phò tá Nguyễn Ánh ngay trong thời khó khăn nhất như: Nguyễn Văn Tuyên, Nguyễn Văn Nhơn, Nguyễn Văn Nhàn, Nguyễn Văn Trọng, Hoàng Bửu Phước, Nguyễn Văn Bế… Mặc dù sinh ra ở tỉnh Thừa Thiên nhưng tài năng quân sự của Nguyễn Văn Tuyên lại được tỏa sáng ở vùng đất An Giang xưa và Đồng Tháp ngày nay. Ông vào đất Đồng Tháp là do quê hương liên tiếp đắm chìm trong các cuộc giao tranh khói lửa giữa hai họ Trịnh – Nguyễn và giữa Tây Sơn với chúa Nguyễn. Ngoài ra, còn một lý do khác, đó là ông xuất thân trong một dòng dõi quan lại, nên ông luôn nuôi hoài bão lớn là lấy nghiệp cung đao để lập thân trong thời loạn. Bài viết khái lược về lịch sử hình thành vùng đất Đồng Tháp, cũng như nêu ra những mốc son lịch sử trong sự nghiệp quân sự của Tuyên trung hầu Nguyễn Văn Tuyên.*

***Từ khóa****: Gia Định; Tuyên trung hầu Nguyễn Văn Tuyên; Vĩnh An.*

1. **Công cuộc khai phá vùng đất Đồng Tháp của chúa Nguyễn**

Đã từ lâu, lưu dân người Việt ở phía Bắc, miền Trung theo đường sông Đồng Nai, Sài Gòn, Cửu Long vào khai phá lập nghiệp ở vùng đất có tên là Thủy Chân Lạp, hình thành nhiều tụ điểm cư dân như Mô Xoài (Bà Rịa Vũng Tàu), Nông Nại (Đồng Nai), Bến Nghé (Sài Gòn), Sa Đéc (Đồng Tháp). Đến năm 1679, chúa Nguyễn Phước Tần bàn bạc với định thần rồi cho nhóm di thần nhà Minh đến cu ngụ Biên Hòa và Mỹ Tho. Sự kiện này làm cho các điểm dân cư dần đông đúc hơn và trở thành trung tâm lan ra khu vực chung quanh. Mùa xuân năm Mậu Dần (1698), vâng lệnh chúa Nguyễn, Nguyễn Hữu Cảnh vào Nam kinh lược, xác lập chủ quyền của người Việt trên vùng đất mới, lập ra hai dinh Trấn Biên và Phiên Trấn, gọi chung là Gia Định phủ, trên phần đất từ sông Đồng Nai đến sông Tiền. Trong đó, dinh Phiên Trấn chỉ có một huyện là Tân Bình bao gồm thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Tây Ninh, Long An, Tiền Giang và phần đất phía bắc sông Tiền của tỉnh Đồng Tháp ngày nay. Là đất mới nên cư dân còn thưa thớt, cư ngụ rải rác, có nơi còn chưa thiết lập cơ sở hành chính nên phải theo cơ chế khố trường. Cho đến năm 1741, ở dinh Phiên Trấn có 9 khố trường: Hoàng Lạp, Tam Lịch, Quy An, Quy Hóa, Thiên Mụ, Cảnh Dương, Tân Thạnh, Giản Thảo và Bả Cảnh[[2]](#footnote-2). Năm 1732, thấy Gia Định địa thế rộng, chúa Nguyễn lấp phần đất phía nam Phiên Trấn – tức có phần đất ở phía bắc sông Tiền của Đồng Tháp lập châu Định Viễn, dựng dinh Long Hồ, đặt lỵ sở tại thôn An Bình Đông. Đến năm 1757, chúa Nguyễn tiếp nhận đất Tầm Phong Long (nằm giữa sông Tiền và sông Hậu và vùng đất này được Nghi biểu Hầu Nguyễn Cư Trinh thành lập ba đạo: Châu Đốc đạo (khu vực hành chính và quân sự) đóng ở phía thượng nguồn sông Hậu, Tân Châu đạo đóng ở Cù lao Giêng phía sông Tiền và Đông Khẩu đạo ở phía nam sông Sa Đéc[[3]](#footnote-3). Cả ba đạo đều thuộc dinh Long Hồ; cùng lúc ấy, lỵ sở của dinh Long Hồ cũng dời về xứ Tầm Bào (thôn Long Hồ, thành phố Vĩnh Long ngày nay). Đến năm 1757 đất Đồng Tháp ngày nay trực thuộc dinh Long Hồ, phía bắc sông Tiền thuộc châu Định Viễn, phía nam sông thuộc đạo Đông Khẩu. Như vậy, cho đến trước khi Nguyễn Ánh lên ngôi (1802), Gia Định phủ gồm 4 dinh: Phiên Trấn, Trấn Biên, Vĩnh Trấn, Trấn Định và một trấn là Hà Tiên. Địa giới tỉnh Đồng Tháp thời ấy năm trong tổng Kiến Đăng của dinh Trấn Định (phần phía bắc sông Tiền) và đạo Đông Khẩu của dinh Long Hồ (phần phía nam sông Tiền). Tháng 3 năm 1802, Gia Định phủ đổi thành Gia Định trấn, vẫn gồm 4 dinh và một trấn như trước, chỉ có dinh Long Hồ đổi thành dinh Vĩnh Trấn. Năm Gia Long thứ 5 (1806), huyện Kiến Khương của dinh Trấn Định đổi tên thành Kiến An gồm ba tổng trấn như trước. Như vậy đến năm 1806, phần đất phía bắc sông Tiền của Đồng Tháp thuộc tổng Kiến Đăng huyện Kiến An, dinh Trấn Định; còn phần đất phía nam sông Tiền vẫn thuộc đạo Đông Khẩu, dinh Vĩnh Trấn. Năm Gia Long thứ 7 (1808), Gia Định trấn đổi thành Gia Định thành, dinh Trấn Định đổi thành trấn Định Tường, huyện Kiến An nâng lên thành phủ Kiến An và ba tổng được nâng lên thành huyện. Huyện Kiến Đăng (tổng Kiến Đăng trước đây) gồm có hai tổng là Kiến Hòa và Kiến Phong. Kiến Phong bao gồm toàn vùng Đồng Tháp Mười, trong đó có phần đất phía bắc sông Tiền của Đồng Tháp. Trong đó dinh Vĩnh Trấn đổi thành trấn Vĩnh Thanh, châu Định Viễn đổi thành phủ; phủ Định Viễn chia thành 4 huyện: Vĩnh Bình, Vĩnh Định, Tân An và Vĩnh An. Huyện Vĩnh An có hai tổng: Vĩnh Trinh và Vĩnh Trung. Năm 1832, tỉnh An Giang hình thành, cắt ra từ trấn Vĩnh Thanh để chịu trực thuộc Trung ương. Vùng Sa Đéc trước kia là của tổng Vĩnh Trinh và tổng Vĩnh Trung huyện Vĩnh An (phủ Định Viễn, trấn Vĩnh Thanh) lại trở thành một bộ phận của phủ Tân Thành (lỵ sở tại Sa Đéc), với huyện Đông Xuyên và An Xuyên thuộc An Giang. Vùng Cao Lãnh thuộc về phủ Kiến Tường, đóng tại thôn Mỹ Trà thuộc huyện Kiến Phong, tỉnh Định Tường[[4]](#footnote-4). Năm 1833, vua Minh Mạng thiết lập cơ chế trung ương tập quyền, bãi bỏ phân cấp “thành”, chia đất Gia Định thành (Nam Kỳ) ra làm sáu tỉnh trực thuộc trung ương: Biên Hòa, Gia Định, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên. Theo đó thì đất Đồng Tháp thuộc một phần của tỉnh Định Tường và tỉnh An Giang. Phần đất phía Bắc sông Tiền nằm trong địa giới của tổng Phong Thạnh và một phần của tổng Phong Phú, huyện Kiến Đăng, tỉnh Định Tường; còn phần đất phía nam sông Tiền trong địa giới huyện Vĩnh An, một phần nhỏ của huyện Vĩnh Định thuộc phủ Tân Thành và huyện Đông Xuyên (phủ Tuy Biên), tỉnh An Giang, huyện Vĩnh An có sáu tổng, trong đó năm tổng: An Hội, An Tịnh, An Thạnh, An Thới, An Mỹ thuộc địa phận tỉnh Đồng Tháp ngày nay. Năm 1838, huyện Kiến Đăng (tỉnh Định Tường) tách ra 4 tổng để lập huyện Kiến Phong, trong đó có 7 thôn của Phong Phú và 11 thôn của tổng Phong Thạnh, thuộc địa giới của Đồng Tháp. Huyện cũ Kiến Đăng và huyện mới Kiến Phong thành phủ Kiến Tường. Phủ lỵ Kiến Tường và huyện lỵ Kiến Phong đều đặt tại thôn Mỹ Trà (tức thành phố Cao Lãnh ngày nay). Đến năm 1839, huyện Vĩnh An (tỉnh An Giang) bị cắt một phần ở phía Nam để thành lập huyện An Xuyên và một phần ở phía Bắc để thành lập huyện Đông Xuyên. Hai huyện mới cùng với huyện cũ thành phủ Tân Thành; phủ ly đóng ở thôn Vĩnh Phước (tức thành phố Sa Đéc sau này)[[5]](#footnote-5). Như vậy, cho đến lúc Pháp chiếm đóng ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ (1862), địa giới tỉnh Đồng Tháp bao gồm một phần của huyện Kiến Phong của tỉnh Định Tường (phần đất phía bắc sông Tiền) và toàn bộ huyện Vĩnh An với một số thôn của huyện An Xuyên và Đông Xuyên của tỉnh An Giang xưa. Cho nên, tỉnh Đồng Tháp ngày nay, xét về diện tích phân bố, có những vùng, những địa danh đã nằm trong lãnh thổ ranh giới của các tỉnh bạn. Điều này có ý nghĩa khá lớn, cho thấy trong quá trình lịch sử, địa bàn thuộc tỉnh khá rộng, bao gồm cả một phần đất của tỉnh Long An, Tiền Giang và An Giang ngày nay[[6]](#footnote-6). Vì vậy, việc tìm hiểu một địa danh, một nhân vật lịch sử phải đảm bảo tính đồng nhất về mặt địa lý, cả về không gian và thời gian. Có thể nói, lịch sử một vùng đất, nói cho cùng là mối quan hệ, là sự tác động qua lại giữa đất và người. Đất tốt hấp dẫn người, người làm cho đất thạnh mậu hơn, linh hơn, mà địa linh ắt sinh nhân kiệt, nhân kiệt làm rạng rỡ địa danh, Tuyên trung hầu Nguyễn Văn Tuyên là trường hợp như thế.

1. **Tuyên trung hầu Nguyên Văn Tuyên – từ tỉnh Thừa Thiên đến vùng đất Đồng Tháp**

Đất Gia Định xưa kia phì nhiêu mà phần nhiều còn hoang vu, nhiều nơi ruộng vườn bỏ phế, không có người cày. Việc khai thác, canh tác các đất đai ấy không chỉ cần cấp để nuôi dân nuôi binh lúc ấy, mà còn là nền tảng để cho xứ này mở mang và phát triển. Nguyễn Ánh đã đặc biệt lưu tâm đến vấn đề này, thường xuyên chỉ khuyên dân chăm lo làm ruộng, dùng nhiều biện pháp để khích lệ, thúc giục, rồi luôn luôn nhắc nhở; có những năm đương dùng binh ở Bắc, cũng không quên nhắc nhân dân từ phủ binh đến hạng cùng cố, đều phải gắng sức làm ruộng, người nào không theo nghề nông thì đi lính[[7]](#footnote-7). Nhờ những chính sách này, mà Gia Định đã phát triển nhiều hơn trước, tạo điều kiện thu hút nhiều nhân sĩ, tướng lĩnh về với vùng đất này.

Từ khi người Việt đặt chân lên vùng đất Đồng Tháp, đến nay biết bao lớp người đã nằm xuống cho bờ cõi được vững yên; cho rừng hoang thành ruộng đồng và vườn tược được sum suê; cho bãi lầy thành làng mạc, phố thị với nhà cửa đông vui, với đình chùa miếu mạo, đền đài khói hương không bao giờ tắt; cho lòng người không bao giờ quên lãng quá khứ, công lao của người đi trước… Mỗi tấc đất, gang sông đều thắm đượm mồ hôi, nước mắt và cả máu thịt của tiền nhân. Cũng như lịch sử hình thành một vùng đất, lịch sử về cuộc đời, về sự nghiệp của một con người cũng thế, phải trải qua biết bao thăng trầm của cuộc sống. Từ lưu lạc đến định cư và thể hiện tài năng của mình là cả một quá trình dài với nhiều gian khổ.

Vào cuối những năm 80 của thế kỷ XVIII, khi mà cuộc phân tranh quyền lực giữa chúa Nguyễn và quân Tây Sơn ngày càng một khốc liệt hơn và do bước đầu chưa tập hợp được lực lượng nên Nguyễn Ánh phải nhiều lần trốn chạy quân Tây Sơn, rồi từ đó trôi dạt vào vùng đất phía Nam. Trong thời gian này, Nguyễn Ánh dường như kiệt sức trước cuộc truy đuổi của quân Tây Sơn, phải mấy lần nương náo ở nước Xiêm, thế nhưng, lợi dụng lúc vua Quang Trung bận đương đầu với cuộc xâm lược của quân Thanh ở Bắc Hà, chỉ một năm (1788-1789), Nguyễn Ánh kéo quân về đóng căn cứ ở Long Hưng (Sa Đéc), tại đây ông đã đánh bật được lực lượng Tây Sơn do Nguyễn Lữ chỉ huy ra khỏi Gia Định. Sau khi đánh bại quân Tây Sơn ở nhiều nơi, Nguyễn Ánh hạ được thành Sài Gòn. Từ đó toàn hạt Gia Định thuộc về họ Nguyễn[[8]](#footnote-8). Phải khách quan mà nhận rằng, vùng Nam sông Tiền mà Sa Đéc là trung tâm vẫn là vùng ảnh hưởng của Nguyễn Ánh. Nên không lạ gì khi thấy Sa Đéc là nơi cung cấp sức người sức của cho Nguyễn Ánh (đương nhiên là cũng có cưỡng bức). Nhiều điền chủ bỏ tài sản ra nuôi quân và che chở Nguyễn Ánh và thuộc hạ ngay trong lúc nguy cấp. Sa Đéc còn cung cấp cho Nguyễn Ánh nhiều tướng tài hết dạ trung kiên ngay trong thời khó khăn nhất như Nguyễn Văn Tuyên, Nguyễn Văn Nhơn, Nguyễn Văn Nhàn, Nguyễn Văn Trọng, Hoàng Bửu Phước, Nguyễn Văn Bế….

Đã có nhiều ý kiến khác nhau về danh xưng và sự nghiệp quân sự của Tuyên trung hầu Nguyễn Văn Tuyên. Tại sao ông lại sinh ra ở vùng đất Thừa Thiên nhưng nơi ông thể hiện tài năng quân sự của mình lại là tỉnh An Giang xưa (Đồng Tháp ngày nay), có phải “địa linh đã sinh nhân kiệt” Nguyễn Văn Tuyên không? Có thể nói, dưới triều đại Gia Long, Gia Định thành trải qua thời tổng trấn, thì trong đó có hai tổng trấn là người gốc Sa Đéc là Kinh Môn Quận công Nguyễn Văn Nhân và Tuyên trung hầu Nguyễn Văn Tuyên[[9]](#footnote-9). Như vậy, việc Nguyễn Văn Tuyên đi vào miền đất An Giang xưa và Đồng Tháp ngày nay là do quê hương liên tiếp đắm chìm trong các cuộc giao tranh khói lửa giữa hai họ Trịnh – Nguyễn và giữa Tây Sơn với chúa Nguyễn nên cũng như nhiều người khác, gia đình ông phải vào Nam lánh nạn. Lúc đầu dừng chân ở Gia Định, sau tiến lần về vùng đất Sa Đéc rồi định cư ở Tòng Sơn (thôn Mỹ An, phủ Tân Thành, huyện Vĩnh An, tỉnh An Giang – nay là xã Mỹ An Hưng A, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp), chọn nơi đây làm quê hương thứ hai, nơi mà sách Đại Nam nhất thống chí mô tả như tai bèo nổi trên mặt nước, cá lội cò bay, có cảnh trí thiên nhiên rất đẹp ở miền sông nước, phong cảnh cực kỳ thanh tú. Do đó, các sách Đại Nam nhất thống chí và Đại Nam chính biên liệt truyện đều nói ông là người huyện Vĩnh An, liệt vào “An Giang nhân vật”.

Không phải ngẫu nhiên mà Nguyễn Văn Tuyên chọn đất Đồng Tháp làm nơi dừng chân trên con đường lập nghiệp. Bởi theo quan niệm chọn đất để dựng nghiệp của người xưa thì vùng đất Đồng Tháp đối với Nguyễn Văn Tuyên quả cả đủ ba yếu tố thiên thời, địa lợi và nhân hòa. Đi sâu vào hai yếu tố đầu ta thấy rất rõ. Ngoài vị trí chiến lược với sông rạch chằng chịt nằm trên hành lang từ Sài Gòn xuống miền Tây ra vịnh Thái Lan, Đồng Tháp còn là vùng đất trù phú được khai thác khá sớm ở đồng bằng sông Cửu Long, có nhiều lúa gạo và các lâm thủy sản khác. Người có tài, có chí như Nguyễn Văn Tuyên tất nhiên phải thấy và biết vận dụng nó để phục vụ cho sự nghiệp quân sự của mình. Ngoài ra còn một lý do khác, đó là Nguyễn Văn Tuyên vốn dòng dõi quan lại, nên ông luôn nuôi hoài bão lớn là lấy nghiệp cung đao để lập thân trong thời loạn. Mặc dù, sử liệu rất ít viết về công lao của Nguyễn Văn Tuyên đối với nhà Nguyễn nhưng chúng ta phải hiểu rằng với vai trò phó tá của mình, ông đóng một vai trò quan trọng giúp Nguyễn Ánh đánh bại quân Tây Sơn, thống nhất đất nước.

1. **Những mốc son lịch sử trong sự nghiệp quân sự của Tuyên trung hầu Nguyễn Văn Tuyên**

Chúng ta biết rằng, ngay từ thời khai hoang lập làng cho đến mãi về sau, vùng đất Đồng Tháp thường vinh dự đón tiếp nhiều bậc hào kiệt, anh tài và các vị này luôn được tiếp nhận, bồi dưỡng bằng những nguồn sinh khí mới, kích thích mọi hoạt động, tạo ra nét đặc biệt trong sinh hoạt văn hóa – xã hội. Đây còn là một vùng được khai phá sớm, dân cư đông, sản vật dồi dào, có cuộc sống trù phú hơn nơi khác. Địa bàn này chẳng những cung cấp lương thực, tiền của cho Nguyễn Ánh mà còn cung cấp cho Nguyễn Ánh nhiều tướng lĩnh, trong đó có võ tướng Nguyễn Văn Tuyên. Trong lúc lưu vong trên đất khách, Nguyễn Ánh được họ chuẩn bị cho một hậu thuẫn chính trị, quân sự ở quốc nội[[10]](#footnote-10).

Chưởng cơ tuyên hay Bảo hộ Tuyên đều là những tên gọi của Tuyên trung hầu Nguyễn Văn Tuyên, thế nhưng chính danh của ông là Phan Văn Tuyên, do lập được nhiều công to nên được ban quốc (họ nhà vua), cho nên sử ghi là Nguyễn Văn Tuyên, tước Tuyên Trung hầu. Theo gia phả họ Nguyễn Hầu, ông sinh năm Quý Tỵ năm 1763, nguyên quán làng Kiêm Toàn, huyện Phú Xuân, tỉnh Thừa Thiên. Còn theo sách Đại Nam nhất thống chí có ghi: “Nguyễn Văn Tuyên người huyện Vĩnh An. Khi đầu Trung hưng, ông theo việc chính chiến có nhiều chiến công, làm đến Vệ úy vệ Hữu bảo, quân Chấn Võ. Thời Trung hưng ông theo Lê Văn Duyệt dẹp ác man ở Quảng Ngãi, đốc suất binh dân đào sông Vĩnh Tế, rồi làm Trấn thủ hai trấn Định Tường và Vĩnh Thanh, lại được làm Án thủ Châu Đốc, đeo quốc ấn bảo hộ Cao Man”[[11]](#footnote-11). Còn sách Đại Nam liệt truyện ghi: “Đầu năm Mậu Thân ra tòng quân đi đánh giặc, từng làm phó Vệ úy vệ Hổ uy quân Thần sách, có tội phải cách chức, rồi lại khởi phục nguyên hàm, theo quân đi đánh giặc. Năm Tân Dậu thăng Vệ úy vệ Kinh uy doanh Tiền quân”. Như vậy, dù sinh ra ở tỉnh Thừa Thiên nhưng dấu ấn trong sự nghiệp quân sự của ông lại gắn liền với vùng đất Vĩnh An xưa, tức tỉnh Đồng Tháp ngày nay. Chính nơi đây, ông đã theo phò tá Nguyễn Ánh.Đây là thời gian ông giữ nhiều chức vụ quan trọng như Trấn thủ Biên Hoà, Trấn thủ Định Tường; quyền nhiếp tổng trấn Gia Định thành (toàn thể Nam bộ hiện nay) khi Lê Văn Duyệt đi công tác về kinh đô Huế và Bảo hộ Cao Miên thay cho Thoại Ngọc Hầu.

Sự nghiệp quân sự của Tuyên trung hầu Nguyễn Văn Tuyên được thể hiện qua các mốc thời gian khác nhau. Chẳng hạn, đầu năm 1788 (Mậu Thân), ông theo chúa Nguyễn đánh quân Tây Sơn, do lập được công lao nên ông được phong làm Phó Vệ úy vệ Hổ uy quân Thần sách. Thế nhưng có lúc bị cách chức, rồi lại cho khôi phục nguyên hàm. Năm 1801 (Tân Dậu), được thăng Vệ úy kinh uy doanh Tiền quân. Năm Gia Long thứ 11 (1812), thăng Vệ úy vệ Chấn bảo nhất quân Chấn vũ, Khâm sai Chưởng cơ. Năm Gia Long thứ 15 (1816), Điện quản Vệ úy Hữu bảo nhất Hữu quân kiêm đem quân 2 vệ Hữu bảo nhất, Hữu bảo nhị theo Lê Văn Duyệt đi dẹp giặc “ác man” ở Quảng Ngãi. Mùa đông năm Kỷ Mão (1819), sau khi nghiên cứu về địa hình, vua ban dụ dạy quan Trấn thủ Vĩnh Thanh là Nguyễn Văn Thoại chỉ huy đào kênh Vĩnh Tế, ăn thông từ Châu Đốc đến Giang Thành – Hà Tiên để ngoài việc tháo lũ rửa phèn cho vùng “Châu Đốc tân cương”, còn nhằm tạo ra một thủy mạch trọng yếu có tính chiến lược trong việc trấn giữ miền biên viễn. Chúng ta đã biết khá nhiều về công đức Thoại Ngọc Hầu Nguyễn Văn Thoại, là người đã gắn cả cuộc đời mình vào việc đốc suất đào kinh và bảo vệ hữu hiệu vùng biên giới Tây Nam Tổ quốc. Nhưng ít ai biết đến một nhân vật cũng được phong tước Hầu, đã cùng ông Thoại trông coi việc đào con kinh chiến lược lịch sử Vĩnh Tế và cũng là sĩ quan chỉ huy lực lượng biên phòng thay thế ông Thoại khi ông qua đời trong nhiệm vụ trọng yếu tại đây. Đó là Thống chế lãnh Bảo hộ Cao Miên quốc ấn, Án thủ Châu Đốc đồn, kiêm lãnh Hà Tiên trấn biên vụ Tuyên trung hầu Nguyễn Văn Tuyên. Năm 1822 (Minh Mạng thứ 3), theo chức cũ làm trấn thủ Biên Hòa, vì có tang cha, xin từ chức, khi hết tang được tái bổ Trấn thủ Định Tường. Mùa đông năm 1823 (Minh Mạng thứ 4), ông hợp đồng với Thống chế Nguyễn Văn Thoại (tức Thoại Ngọc hầu) và Trần Công Lại, trông coi việc đào kênh Vĩnh Tế, rồi được triệu về kinh đô Huế. Năm 1824, ông ra làm trấn thủ Vĩnh Thanh, rồi bổ Thống chế coi biền binh thành Gia Định. Để tỏ rõ niềm ân hậu đặc biệt, vua sắc phong cho thân mẫu ông là bà Võ Thị Đức mỹ hiệu Thục nhân. Năm 1827, Tổng trấn Gia Định thành là Lê Văn Duyệt được triệu về kinh, ông được cử làm quyền Nhiếp Tổng trấn vụ. Năm sau (1828), khi Lê Văn Duyệt trở về, ông lại được sung chức như cũ. Để ghi nhận công lao của gia đình ông, vua truy tặng thân phụ ông là Anh dũng tiến quân Phan/Nguyễn Văn Hậu (đã mất năm 1822) chức Kinh xa Đô úy, Thần sách Vệ úy Nguyễn Hầu. Cũng trong khoảng thời gian này, Khâm sai Thống chế Nguyễn Văn Tuyên được cử cai quản Biền binh Gia Định thành khi tả quân Lê Văn Duyệt có việc lai kinh, ông được cử quyền nhiếp Tổng trấn Gia Định thành (hiểu là toàn miền Nam). Năm 1829 (Minh Mạng thứ 10), Thoại Ngọc Hầu đương nhiệm Bảo hộ Cao Miên lâm trọng bệnh mà mất, Tuyên Trung Hầu Nguyễn Văn Tuyên được cử thay thế (1830), sắc phong nguyên chức: Thống chế cai quản biền binh, Bảo hộ Cao Miên quốc ấn, Án thủ Châu Đốc đồn kiêm quản Hà Tiên trấn biên vụ. Giữ chức bảo hộ được hơn một năm, ông lâm trọng bệnh và mất tại Châu Đốc ngày 28/5 năm Tân Mão (1831), thọ 68 tuổi. Con trưởng là Cửu theo hàm tập ấm, làm Phó lãnh binh ở Hải Tây; con thứ là Trinh, làm Ngoại ủy Cai cơ Trung dũng[[12]](#footnote-12). Linh cữu được đưa về an táng tại khu mộ dòng tộc ở quê nhà Mỹ An thôn, tỉnh An Giang (nay là xã Mỹ An Hưng A, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp).

Như vậy,chính hoàn cảnh lịch sử và quê hương Đồng Tháp đã sản sinh ra một võ tướng tài giỏi cho Nguyễn Ánh. Mặc dù, đây là cuộc phân tranh quyền lực, giữa một bên là chúa Nguyễn và một bên là quân Tây Sơn và kết thúc thắng lợi thuộc về Nguyễn Ánh, nhưng thắng lợi này góp phần đưa nước ta thống nhất về một cõi, chấm dứt một thời kỳ phân chia lãnh thổ. Để làm nên chiến thắng này, có sự đóng góp công lao của các võ tướng dưới trướng Nguyễn Ánh, trong đó có Tuyên trung hầu Nguyễn Văn Tuyên. Với nhiều công lao đóng góp cho nhà Nguyễn, ông được các vua nhà Nguyễn trọng dụng và ban giữ nhiều chức tước quan trọng, có thể đặt ông ở vị trí hàng “Thượng đẳng Thần”. Để ghi nhận công lao to lớn của ông đối với quê hương, với vùng đất An Giang xưa và Đồng Tháp ngày nay, từ nhiều năm nay, nhân dân địa phương, cũng như một số khách tham quan phương xa thường đến đền thờ và lăng mộ ông chiêm bái, thành kính dâng hương tưởng nhớ… Nhưng có lẽ đông đảo nhất vẫn là ngày giỗ hằng năm, do Hội đồng gia tộc tổ chức đúng theo nghi thức cổ truyền vào các ngày 27 và 28/5 âm lịch.Lễ hội là dịp để mọi người tưởng nhớ công ơn của Tuyên Trung hầu Nguyễn Văn Tuyên và các bậc tiền hiền đã có công dựng nước và giữ nước.

**Tài liệu tham khảo**

1. Đào Duy Anh (2002), *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX*, Nxb. Văn hóa Thông tin.
2. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và Hội Khoa học lịch sử Đồng Tháp (2015), *Đồng Tháp nhân vật chí*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Tháp (2014), *Địa chí tỉnh Đồng Tháp*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
4. *Đại Nam liệt truyện (1997)*, Tập 2, Nxb, Thuận Hóa, Huế.
5. Hội Khoa học lịch sử Đồng Tháp (2004), *Đồng Tháp 300 năm*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Sơn Nam (2009), *Tìm hiểu đất Hậu Giang và lịch sử đất An Giang*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
7. Nhiều tác giả (2009), *Đồng Tháp đất và người*, tập 2, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
8. Phan Khoang (2001), *Việt sử xứ Đàng Trong*, Nxb. Văn học.
9. Quốc sử quán triều Nguyễn (2012), *Đại Nam nhất thống chí*, Tập 2, Nxb. Lao động.

1. **\* Học viện Chính trị khu vực IV. Email: phamhoa2005@gmal.com>** [↑](#footnote-ref-1)
2. Quốc sử quán triều Nguyễn (1961), *Đại Nam thực lục*, Tập 1, Nxb. Sử học, Hà Nội, tr. 203. [↑](#footnote-ref-2)
3. Sơn Nam (2009), *Tìm hiểu đất Hậu Giang và lịch sử đất An Giang*, Nxb. Trẻ, tr. 63. [↑](#footnote-ref-3)
4. Hội Khoa học lịch sử Đồng Tháp (2004), *Đồng Tháp 300 năm*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 19. [↑](#footnote-ref-4)
5. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Tháp (2014), *Địa chí tỉnh Đồng Tháp*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 22-23. [↑](#footnote-ref-5)
6. Nhiều tác giả (2009), *Đồng Tháp đất và người*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 7. [↑](#footnote-ref-6)
7. Phan Khoang (2001), *Việt sử xứ Đàng Trong*, Nxb. Văn học, tr. 525-526. [↑](#footnote-ref-7)
8. Đào Duy Anh (2002), *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX*, Nxb. Văn hóa Thông tin, tr. 442. [↑](#footnote-ref-8)
9. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và Hội Khoa học lịch sử Đồng Tháp (2015), *Đồng Tháp nhân vật chí*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 11. [↑](#footnote-ref-9)
10. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Tháp (2014), *Địa chí tỉnh Đồng Tháp*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 189. [↑](#footnote-ref-10)
11. Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam nhất thống chí*, Tập 2, Nxb. Lao động, tr. 1772-1773. [↑](#footnote-ref-11)
12. *Đại Nam liệt truyện (1997)*, Tập 2, Nxb, Thuận Hóa, Huế, tr. 323. [↑](#footnote-ref-12)